



ISSN: 1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH
TẠP CHÍ KHOA HỌC

KHOA HỌC GIÁO DỤC
Tập 15, Số 1 (2018): 98-108

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE

EDUCATION SCIENCE
Vol. 15, No. 1 (2018): 98-108

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỔ BIẾN, BỒI DƯỠNG VÀ NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ Ở CÁC VIỆN NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Thanh Hùng*

Viện Khoa học Công nghệ và Nghiên cứu Giáo dục

Ngày nhận bài: 29-12-2017; ngày nhận bài sửa: 15-01-2018; ngày duyệt đăng: 22-01-2018

TÓM TẮT

Việc ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển kinh tế - xã hội hiện nay là vấn đề hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, vấn đề quản lý hoạt động phổ biến, bồi dưỡng và nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ (KH-CN) cũng có vai trò rất quan trọng. Bài viết khảo sát thực trạng quản lý hoạt động phổ biến, bồi dưỡng và nghiên cứu ứng dụng KH-CN (PBBĐ&NCUD KH-CN) ở các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN tại Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đề xuất một số biện pháp nhằm giúp hoạt động PBBĐ&NCUD KH-CN ngày càng hoàn thiện hơn.

Từ khóa: *biện pháp quản lý, ứng dụng khoa học - công nghệ, viện ứng dụng khoa học - công nghệ.*

ABSTRACT

Measures for managing scientific and technological application research, training and dissemination in scientific and technological institutes in Ho Chi Minh City

The application of science and technology for socio-economic development is now very necessary. In addition, the issue of management of common activities, fostering and research into the application of science and technology also plays a very important role. This paper examines the current state of management of the dissemination, research and application of science and technology in scientific and technological research institutes in Ho Chi Minh City. to make the activities of dissemination, research and application of science and technology more and more complete.

Keywords: *measures for management, application of science and technology, institutes for application of science and technology.*

1. Đặt vấn đề

Cùng với sự phát triển KH-CN của Việt Nam và thế giới, các Viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) đã có những đóng góp quan trọng trong lĩnh vực KH-CN, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Những kết quả này được thể hiện trong việc triển khai nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ..., trong đó nổi

* Email: phamhungdhktl@gmail.com

bật là hoạt động phổ biến, bồi dưỡng, nghiên cứu ứng dụng, triển khai các đề tài, dự án đã góp phần quan trọng đưa tiến bộ KH-CN mới vào sản xuất và đời sống.

Hoạt động nghiên cứu, triển khai, ứng dụng KH-CN vào sản xuất được đẩy mạnh. Nhiều tiến bộ kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất và đời sống, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

Những năm qua, các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN tại TPHCM đã thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ nói trên, nhưng do khả năng, điều kiện còn hạn chế nên vẫn còn nhiều hoạt động chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của cộng đồng xã hội về ứng dụng KH-CN.

Công tác quản lý hoạt động phổ biến, bồi dưỡng, nghiên cứu ứng dụng, triển khai KH-CN ở các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN tại TPHCM đã phục vụ thiết thực việc phát triển kinh tế-xã hội, hỗ trợ doanh nghiệp tăng năng lực cạnh tranh sản phẩm, giảm thiểu tình trạng kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người sản xuất, người tiêu dùng, lành mạnh hóa quan hệ thị trường. Bên cạnh những thành công về quản lý hoạt động phổ biến, bồi dưỡng, nghiên cứu ứng dụng, triển khai KH-CN ở các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN tại TPHCM, vẫn còn những hạn chế, thiếu sót cần được khắc phục. Vì vậy, việc nghiên cứu *biện pháp quản lý hoạt động PBBD&NCUĐ KH-CN ở các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN tại TPHCM* là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

2. Nội dung

2.1. Thể thức và phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi dành cho 120 cán bộ quản lý (CBQL), nghiên cứu viên công tác ở 5 đơn vị sau:

- Viện Khoa học công nghệ và Nghiên cứu Giáo dục;
- Viện Công nghệ Giáo dục Asean;
- Viện Nghiên cứu Đào tạo hướng nghiệp và Giáo dục truyền thống;
- Viện Công nghệ Xuất nhập khẩu Asean;
- Viện Khoa học Nông lâm Bền vững Asean.

Phần kết quả thực hiện: Điểm quy ước của phần này là: Tốt = 4, Khá = 3, Trung bình = 2, Yếu = 1. Tương ứng với các điểm số này là các DTB được quy ước như sau: từ 1 đến dưới 1,75: Yếu; từ 1,75 đến dưới 2,5: Trung bình; từ 2,5 đến dưới 3,25: Khá; và từ 3,25 đến 4: Tốt.

Thời điểm khảo sát được thực hiện từ tháng 2/2017 đến tháng 4/2017 tại địa bàn TPHCM.

3. Thực trạng quản lý hoạt động PBBD&NCUĐ KH-CN ở các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN tại TPHCM

Công tác quản lý hoạt động PBBD&NCUĐ KH-CN bao gồm những nội dung sau:

- Quản lý hoạt động chuẩn bị PBBD&NCUĐ KH-CN;
- Quản lý hoạt động triển khai PBBD&NCUĐ KH-CN;

- Quản lý hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH-CN;
- Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả PBBĐ&NCỦĐ KH-CN;
- Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN;
- Quản lý các điều kiện, phương tiện hỗ trợ hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN;
- Công tác phối hợp quản lý hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN.

Trong đó, nội dung quản lý các điều kiện, phương tiện hỗ trợ hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN là một trong những nội dung quan trọng đối với công tác này. Kết quả khảo sát về nội dung này cụ thể như sau (xem Bảng 1):

Bảng 1. Quản lý các điều kiện, phương tiện hỗ trợ hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN

| STT | Nội dung | Kết quả thực hiện | | |
|-----|---|-------------------|---------------|----------|
| | | Trung bình | Độ lệch chuẩn | Thứ hạng |
| 1 | Hệ thống tài liệu đa dạng các đầu giáo trình và sách tham khảo phong phú | 3,20 | 0,696 | 3 |
| 2 | Chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất | 3,05 | 0,605 | 5 |
| 3 | Tính năng cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ đảm bảo yêu cầu | 3,40 | 0,754 | 1 |
| 4 | Hệ thống mạng, internet | 3,25 | 0,550 | 2 |
| 5 | Khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên phục vụ hoạt động NCKHCN đơn giản, dễ dàng | 3,15 | 0,587 | 4 |

Bảng 1 cho thấy kết quả thực hiện là khá tốt (ĐTB từ 3,15 đến 3,40). Cụ thể 2 nội dung “Tính năng cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ đảm bảo yêu cầu” và “Hệ thống mạng, internet” được đánh giá mức tốt, 3 nội dung còn lại ở mức khá.

Để đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN thì không thể bỏ qua vai trò của một số công tác mang tính phối hợp. Những công tác này được đánh giá như sau (xem Bảng 2):

Bảng 2. Công tác phối hợp trong quản lý hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN

| STT | Nội dung | Kết quả thực hiện | | |
|-----|--|-------------------|---------------|----------|
| | | Trung bình | Độ lệch chuẩn | Thứ hạng |
| 1 | Đội ngũ nhân viên tận tình chu đáo, kịp thời | 3,40 | 0,754 | 1 |
| 2 | Chương trình đào tạo sắp xếp khoa học, dễ lựa chọn | 3,25 | 0,550 | 3 |
| 3 | Quá trình chuyển giao các ứng dụng dễ dàng, đơn giản | 3,30 | 0,657 | 2 |
| 4 | Thời gian phổ biến chuyển giao hợp lí | 2,15 | 0,587 | 6 |
| 5 | Phối hợp tổ chức phổ biến, cập nhật kiến thức bổ sung | 3,15 | 0,587 | 5 |
| 6 | Phối hợp tổ chức đánh giá theo giai đoạn sau khi chuyển giao KH-CN | 3,20 | 0,696 | 4 |

Bảng 2 cho thấy về kết quả thực hiện đạt mức khá và tốt, trong đó có 3 nội dung đạt mức tốt là: Đội ngũ nhân viên tận tình chu đáo, kịp thời; quá trình chuyển giao các ứng dụng dễ dàng, đơn giản; chương trình đào tạo sắp xếp khoa học, dễ lựa chọn. Riêng nội dung “thời gian phổ biến chuyển giao hợp lý” chỉ đạt mức trung bình với ĐTB=2,15.

Kết quả tổng hợp chung về thực trạng quản lý hoạt động phổ biến, bồi dưỡng và nghiên cứu ứng dụng KH-CN được trình bày ở Bảng 3 sau đây:

Bảng 3. Tổng hợp chung về thực trạng quản lý hoạt động PBBD&NCUĐ KH-CN

| STT | Nội dung | Kết quả thực hiện |
|-----|--|-------------------|
| 1 | Quản lý hoạt động chuẩn bị PBBD&NCUĐ KH-CN | 3,2 |
| 2 | Quản lý hoạt động triển khai PBBD&NCUĐ KH-CN | 3,4 |
| 3 | Quản lý hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH-CN | 3,6 |
| 4 | Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả PBBD&NCUĐ KH-CN | 2,9 |
| 5 | Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động PBBD&NCUĐ KH-CN | 3,3 |
| 6 | Quản lý các điều kiện, phương tiện hỗ trợ hoạt động PBBD&NCUĐ KH-CN | 3,2 |
| 7 | Công tác phối hợp quản lý hoạt động PBBD&NCUĐ KH-CN | 3,1 |
| | Trung bình | 3,24 |
| | Khoảng điểm số | Khá |

Bảng 3 cho thấy:

- Ở nội dung thứ nhất: “Quản lý hoạt động chuẩn bị PBBD&NCUĐ KH-CN” có kết quả thực hiện ở mức *khá*.
- Ở nội dung thứ 2: “Quản lý hoạt động triển khai PBBD&NCUĐ KH-CN” có kết quả thực hiện đạt mức *tốt*.
- Nội dung thứ 3: “Quản lý hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH-CN” được thực hiện khá tốt tại các đơn vị.
- Nội dung thứ 4, “Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả PBBD&NCUĐ KH-CN” có ĐTB 2,9 đạt mức *khá*
- Nội dung thứ 5: “Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động PBBD&NCUĐ KH-CN” có ĐTB kết quả thực hiện là 3,3 và đạt mức *tốt*.
- Nội dung thứ 6: “Quản lý các điều kiện, phương tiện hỗ trợ hoạt động PBBD&NCUĐ KH-CN” được đánh giá *khá*.
- Nội dung thứ 7: “Công tác phối hợp quản lý hoạt động PBBD&NCUĐ KH-CN” đạt mức *khá* ở phần kết quả thực hiện.

Kết quả khảo sát cho thấy đa số nội dung trong quản lý hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN tại các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN đạt mức khá và chưa thực sự chu đáo về khâu chuẩn bị, chưa thực sự nghiêm túc về cách thức thực hiện, sự đầu tư về cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế nên kết quả của quá trình nghiên cứu chuyển giao không cao.

4. Đánh giá thực trạng quản lý hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN ở các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN

Từ kết quả tổng hợp ý kiến khảo sát bằng phiếu và phỏng vấn ý kiến các cấp quản lý và nhân viên của các viện trong mẫu nghiên cứu, có thể nhận định như sau:

4.1. Ưu điểm

Công tác quản lý hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN ở các viện nghiên cứu và ứng dụng KH-CN có những ưu điểm sau:

- Công tác quản lý hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN ở các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN được đánh giá khá tốt. Trong đó, đạt mức cao nhất là công tác quản lý nghiên cứu ứng dụng KH-CN. Bên cạnh đó, hoạt động “Chỉ đạo xây dựng chương trình PBBĐ&NCƯĐ KH-CN” cũng được đánh giá với kết quả cao.
- Công tác phối hợp trong quản lý hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN cũng được thực hiện khá nhịp nhàng giữa các bộ phận chức năng.
- Đội ngũ nhân viên nhiệt tình, chu đáo trong công việc.
- Cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ khá tốt, có thể đảm bảo yêu cầu cho công tác.

4.3. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, công tác quản lý hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN tại các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN cũng còn tồn tại những hạn chế sau đây:

- Các nội dung của quản lý hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN tại các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN chưa thực sự chu đáo và hoàn thiện về khâu chuẩn bị, về cách thức thực hiện nên kết quả của quá trình nghiên cứu chuyển giao công nghệ không cao.
- Công tác xây dựng kế hoạch chưa được đầu tư bài bản, công phu, chi tiết. Vẫn còn một số bộ phận được giao thực hiện nhiệm vụ chưa nhận thức đúng vai trò, trách nhiệm của mình nên ảnh hưởng trực tiếp đến toàn bộ kết quả của cả quá trình PBBĐ&NCƯĐ KH-CN.
- Hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ chưa được phân công và kiểm tra, giám sát chu đáo. Công tác chỉ đạo còn hạn chế, chưa điều chỉnh kịp thời các bộ phận quản lý đến từng sự vụ, sự việc cụ thể.
- Việc đầu tư tài chính, công nghệ và nhân lực trình độ cao vào nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học tiên tiến chưa nhiều. Cơ chế quản lý chưa phù hợp với hoạt động nghiên cứu ứng dụng để tạo điều kiện tối đa cho hoạt động này diễn ra thuận lợi. Chưa thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo từng công đoạn của quá trình. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN và quản lý PBBĐ&NCƯĐ KH-CN chưa nhiều.

5. Nguyên nhân thực trạng

- Nhận thức của CBQL ở các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN về các hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN và quản lý PBBĐ&NCỦĐ KH-CN là khá tốt và phù hợp với bối cảnh kinh tế thị trường và kinh tế dựa vào tri thức. Họ ý thức được sự cần thiết và nhu cầu cao của cộng đồng về các hoạt động nói trên.

- Trong thời kì bùng nổ về công nghệ như hiện nay, vấn đề cơ sở vật chất và tài chính dành cho các hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN ở các viện nghiên cứu chưa đáp ứng kịp với tốc độ phát triển chung về KH-CN. Chính vì vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN, dẫn đến kết quả thực hiện không cao.

- Thời gian mà CBQL và người nghiên cứu dành cho các hoạt động quản lý và thực hiện PBBĐ&NCỦĐ KH-CN chưa nhiều.

- Năng lực quản lý của các CBQL ở các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN tại TPHCM chưa cao và kinh nghiệm thực tế chưa nhiều.

6. Đề xuất biện pháp

Việc lựa chọn các biện pháp quản lý cần đáp ứng được các yêu cầu về tính khoa học, tính toàn diện, tính phát triển và tính khả thi, vì vậy, các biện pháp quản lý được đề xuất phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

- Phù hợp với quan điểm, chủ trương phát triển KH-CN hiện nay;
- Đảm bảo tính thực tiễn của hoạt động khoa học và công nghệ;
- Đảm bảo tính khả thi;
- Đảm bảo tính đồng bộ và toàn diện.

Từ kết quả khảo sát thực trạng, bài viết đề xuất một số biện pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN, cụ thể như sau:

(i) Nâng cao nhận thức về hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN cho CBQL và chuyên viên ở các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN tại TPHCM

Tăng cường việc tuyên truyền, phổ biến chiến lược KH-CN, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về hoạt động KH&CN, quán triệt sâu sắc hơn nữa cho đội ngũ cán bộ QLGD, chuyên viên về công tác NCỦĐKH cũng như các quy định, quy chế khác có liên quan đến công tác này, để họ có định hướng hoạt động tích cực và chủ động, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm nâng cao hơn.

Tăng cường tổ chức các hoạt động trao đổi thông tin về hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN bằng nhiều hình thức khác nhau và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng đối tượng. Xác định rõ vị trí, vai trò hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN ở các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN và ở các cộng đồng.

Tổ chức các buổi sinh hoạt, tọa đàm khoa học, thảo luận về mối quan hệ giữa sự phát triển KT-XH và KH-CN; Tổ chức các buổi giao lưu học hỏi và tìm hiểu thực tế về hoạt động PBBĐ&NCỦĐ KH-CN.

(ii) Khảo sát, đánh giá nhu cầu PBBĐ&NCƯĐ KH-CN

Trong công tác quản lý nói chung và quản lý PBBĐ&NCƯĐ KH-CN nói riêng, việc nắm chính xác tình hình thực tế về nhu cầu của đối tác, của khách hàng là vô cùng quan trọng. Đó là cơ sở, giúp nhà quản lý xây dựng các kế hoạch trước mắt cũng như lâu dài một cách thiết thực, phù hợp.

Để biết chính xác nhu cầu cần này, CBQL cần có nhiều kênh thông tin khác nhau để tìm hiểu như thông qua trò chuyện, trao đổi, trưng cầu ý kiến của nhiều người. Bên cạnh đó cũng có thể xây dựng hệ thống các câu hỏi khảo sát, thông qua phiếu điều tra tìm hiểu về các nhu cầu PBBĐ&NCƯĐ KH-CN cụ thể.

Trao đổi trực tiếp với cộng đồng dân cư và các tổ chức, các doanh nghiệp về nhu cầu PBBĐ&NCƯĐ KH-CN. Việc làm này giúp CBQL thu thập thông tin một cách chính xác để phân loại và đánh giá thực tế.

(iii) Đổi mới công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện kế hoạch và kiểm tra thực hiện kế hoạch PBBĐ&NCƯĐ KH-CN**• Đổi mới công tác lập kế hoạch**

Hoạt động lập kế hoạch là đưa các hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN vào một trật tự vận động hợp quy luật. Làm cho các hoạt động được thực hiện phù hợp với các mục tiêu, yêu cầu và các nguồn lực cụ thể.

Trong quy trình quản lý, lập kế hoạch là giai đoạn đầu tiên và quan trọng nhất. Vì thế, CBQL phải nhận thức được tầm quan trọng và nắm bắt được thông tin làm căn cứ để xây dựng kế hoạch, xây dựng các điều kiện nội và ngoại lực, tìm phương pháp và biện pháp thực hiện, lựa chọn phương án tối ưu để thực hiện.

Để xây dựng kế hoạch khoa học, hợp lý cần phải tính đến các nguồn lực và quỹ thời gian có thể huy động và sử dụng hợp lý. Xây dựng kế hoạch PBBĐ&NCƯĐ KH-CN dài hạn, trung hạn và ngắn hạn theo các mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể.

• Đổi mới tổ chức thực hiện

Hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội là rất quan trọng, do đó cần tổ chức tốt việc thực hiện kế hoạch đã xác định. Cụ thể:

- Thay đổi và hoàn thiện cơ cấu tổ chức để thực hiện kế hoạch.
- Xác định và ban hành các quy định phù hợp với thực tế khách quan và điều kiện cụ thể của tổ chức để thực hiện kế hoạch.
- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cần thiết và sắp xếp thời gian hợp lý để thực hiện kế hoạch.

• Đổi mới chỉ đạo thực hiện kế hoạch

CBQL cần có sự phân công, giao việc phù hợp cho các đối tượng quản lý thì mới có thể thực hiện thành công kế hoạch đã xác định.

Chỉ đạo cho các bộ phận, các thành viên xây dựng kế hoạch PBBĐ&NCƯĐ KH-CN phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Hướng dẫn và hỗ trợ các điều kiện cần thiết cho các bộ phận, các thành viên để họ có thể thực hiện được kế hoạch.

Phát hiện kịp thời những biến động thực tế để điều hành linh hoạt việc thực hiện kế hoạch. Phân bổ và điều chỉnh các nguồn lực phù hợp với từng gian đoạn thực hiện kế hoạch. Chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn xây dựng và thực hiện chương trình PBBĐ&NCƯĐ KH-CN cho phù hợp với nhu cầu và thực tế của các cộng đồng.

- **Đổi mới hoạt động kiểm tra việc thực hiện kế hoạch**

Việc kiểm tra thực hiện kế hoạch PBBĐ&NCƯĐ KH-CN là rất cần thiết, giúp CBQL giám sát chặt chẽ hoạt động của các bộ phận và các thành viên, phát hiện, điều chỉnh, khuyến khích và cổ vũ tích cực hoạt động theo đúng kế hoạch. Giúp CBQL tự đánh giá được các quyết định quản lý của mình đề ra có sát với thực tế hay không để điều chỉnh, rút kinh nghiệm.

CBQL cần thực hiện việc kiểm tra, đánh giá trong lúc quá trình thực hiện kế hoạch PBBĐ&NCƯĐ KH-CN đang diễn ra và sau khi hoàn tất việc thực hiện kế hoạch. Trong quá trình kiểm tra, cần thu thập các thông tin phản hồi để làm căn cứ cho việc điều chỉnh, khen thưởng, phê bình, cải tiến nhằm làm cho hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN ngày càng tốt hơn.

- (iv) **Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBQL và chuyên viên**

Lập quy hoạch phát triển đội ngũ nghiên cứu khoa học của viện, bao gồm các bước: rà soát đội ngũ; xây dựng cơ chế chính sách phát triển nguồn nhân lực NCKH.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ NCKH; triển khai thực hiện kế hoạch; kiểm tra hiệu quả cơ chế bổ sung nguồn nhân lực. Xây dựng nhóm nghiên cứu chuyên sâu, bao gồm các bước: giao nhiệm vụ theo năng lực, xây dựng nhóm nghiên cứu, đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu. Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng các phương pháp mới trong hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN. Cử cán bộ học tập, giao lưu hợp tác nghiên cứu khoa học.

Tăng cường chất lượng đội ngũ: Xây dựng kế hoạch, đầu tư kinh phí lâu dài; xây dựng đúng đối tượng, nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và NCKH để thực sự nâng cao năng lực NCKH. Cần thay đổi cách nhìn nhận và đánh giá con người và phương pháp khoa học. Ưu tiên tối đa cho sản phẩm khoa học và không quan tâm đến đặc điểm cá nhân, tính cách hay những thói quen của nhà nghiên cứu, giảng viên.

Có định hướng kế hoạch cụ thể cùng với sự tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để thực hiện công tác phát triển đội ngũ.

- (v) **Đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động phổ biến, bồi dưỡng khả năng ứng dụng KH-CN**

- *Xác định nội dung PBBĐ&NCƯĐ KH-CN một cách cụ thể, thiết thực*

Khoa học-công nghệ đang phát triển rất nhanh, khả năng ứng dụng cũng rất cao. Các đề tài NCKH cần chọn lựa cho phù hợp với nhu cầu và khả năng ứng dụng của cộng đồng.

Các nội dung phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng KHCN phải đáp ứng được yêu cầu thực tế. Vì vậy, CBQL cần lựa chọn các nội dung bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu bồi dưỡng của cá nhân. Nội dung cần phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng KHCN phải là nội dung mới, cần thiết, hoặc còn thiếu đối với đối tượng cụ thể. Sau khi được phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng KHCN có thể vận dụng vào đời sống và sản xuất, kinh doanh.

- *Phương pháp phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng KHCN lôi cuốn, hấp dẫn, tăng cường tính thực tế, hướng cho đối tượng tích cực, chủ động, sáng tạo khi tham gia*

Phương pháp truyền đạt là hết sức quan trọng, cần phải sử dụng các phương pháp hiện đại, tích cực tăng sự vận động chủ động cho học viên, đa dạng hóa các hình thức phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng KHCN.

Cần liên hệ lí luận với thực tiễn, sử dụng nhiều tình huống minh họa để nâng cao năng lực giải quyết vấn đề.

Tổ chức hoạt động theo nhóm để nâng cao hiệu quả. Nhóm được xem là môi trường tích cực để mỗi người chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của mình; đồng thời lắng nghe, trao đổi, học hỏi lẫn nhau, làm phong phú thêm hiểu biết của mình.

(vi) Tăng cường các nguồn lực và thời gian hỗ trợ cho hoạt động phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng và nghiên cứu KHCN

Chọn lựa và bố trí thời gian phù hợp cho từng nhóm đối tượng tham gia hoạt động phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng và nghiên cứu KHCN.

Tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng và nghiên cứu KHCN. Cần chú trọng trang bị hệ thống trang thiết bị phục vụ các lớp bồi dưỡng như: Hệ thống đèn chiếu, máy chiếu, video, màn hình, máy vi tính, các loại tài liệu băng - đĩa hình, các loại tranh, ảnh, giáo cụ trực quan, tăng cường xây dựng hệ thống các băng hình mẫu với các nội dung đa dạng, phong phú, phù hợp, thiết thực để nội dung chương trình bồi dưỡng sinh động, bổ ích, hứng thú. Việc này phải được thực hiện trước, phải trang bị đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, có chức năng hiện đại, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của chương trình. Đặc biệt phải trang bị hệ thống Internet mạnh và hiện đại giúp khai thác nguồn thông tin trên mạng, trao đổi tài liệu, tham gia hoạt động phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng từ xa, tiết kiệm thời gian, nâng cao khả năng tự bồi dưỡng.

Để đảm bảo sử dụng hiệu quả trang thiết bị đầu tư, CBQL cần thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc sử dụng các trang thiết bị, tiếp tục hoàn thiện và khai thác hiệu quả các thiết bị. Bên cạnh đó, CBQL phải tham mưu với cấp trên trong việc trang bị CSVC, vận động sự ủng hộ từ mọi nguồn lực xã hội tăng cường đầu tư CSVC hiện đại cho đơn vị

mình. Có kế hoạch tài chính phục vụ hoạt động phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng và nghiên cứu KHCN.

CBQL cần có kế hoạch dự trù kinh phí phục vụ cho hoạt động. Đây là điều kiện đầu tiên trong việc xây dựng kế hoạch. CBQL cần quy định mức hỗ trợ kinh phí cho hoạt động phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng KHCN.

Tăng cường các hoạt động xã hội hóa nhằm huy động được nhiều nguồn lực cho hoạt động phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng KHCN.

(vii) Tổ chức tổng kết, chia sẻ và rút kinh nghiệm

CBQL cần rà soát lại toàn bộ quá trình, từ khâu lập kế hoạch, tổ chức, triển khai, huy động các nguồn lực tham gia thực hiện đến các khâu kiểm tra, đánh giá để có cái nhìn tổng quan nhất về cả quá trình.

CBQL cần lắng nghe ý kiến từ nhiều phía sau khi hoàn thành các hoạt động phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng và nghiên cứu KHCN cụ thể theo từng giai đoạn từ đó có phương hướng cho những lần tổ chức sau. Phải đánh giá xem chương trình có phù hợp, kế hoạch bồi dưỡng có đảm bảo tiến độ và đạt được yêu cầu đề ra hay không.

Tổ chức tuyên dương khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể tham gia hoạt động phổ biến và bồi dưỡng khả năng ứng dụng và nghiên cứu KHCN, đồng thời rút kinh nghiệm điều chỉnh đối với cá nhân tham gia chưa đạt yêu cầu.

7. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng công tác quản lý hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN tại các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN ở TPHCM cho thấy kết quả đạt được trong công tác này chưa cao.

Trong bối cảnh hiện nay, vai trò và tầm quan trọng của việc ứng dụng các thành tựu KHCN để phát triển cộng đồng luôn được đề cao; vì vậy, bài viết đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN. Cụ thể gồm 7 biện pháp sau đây:

- Nâng cao nhận thức về hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN cho CBQL và chuyên viên ở các viện nghiên cứu ứng dụng KH-CN tại TPHCM;
- Khảo sát, đánh giá nhu cầu PBBĐ&NCƯĐ KH-CN;
- Đổi mới công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện kế hoạch và kiểm tra thực hiện kế hoạch hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN;
- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBQL và chuyên viên;
- Đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN;
- Tăng cường các nguồn lực và thời gian hỗ trợ cho hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN;
- Tổ chức tổng kết, chia sẻ và rút kinh nghiệm.

Đây là các biện pháp có mối liên hệ chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau. Hi vọng khi áp dụng những biện pháp này vào thực tiễn một cách đồng bộ thì sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động PBBĐ&NCƯĐ KH-CN trong tương lai.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoàng Thị Nhị Hà. (2011). *Quản lý hoạt động khoa học – công nghệ ở các trường đại học sư phạm*. TPHCM: NXB Đại học Sư phạm TPHCM.
- Harold Koontz, Cyril OKonnell, Heinz Weihrich. (2004). *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*. Hà Nội: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Quản lý Kinh tế. (2005). *Khoa học quản lý* (giáo trình). Hà Nội: NXB Lí luận Chính trị, tr.72.
- Trần Kiểm. (2006). *Khoa học quản lý giáo dục*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Đặng Bá Lãm (chủ biên). (2005). *Quản lý nhà nước về giáo dục: Lí luận và thực tiễn*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2005). *Luật Giáo dục*. Số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.